PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 66/2010/SL-LPQT

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng Liên bang Thụy Sỹ về việc thân nhân thành viên Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự và Phái đoàn thường trực làm việc có thu nhập, ký tại Bern ngày 18 tháng 5 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 08 tháng 11 năm 2010./.

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2010
TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

HIỆP ĐỊNH GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ HỘI ĐỒNG LIÊN BANG THỤY SỸ VỀ VIỆC THÂN NHÂN THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO, CƠ QUAN LÃNH SỰ VÀ PHÁI ĐOÀN THƯỜNG TRỰC LÀM VIỆC CÓ THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng Liên bang Thụy Sỹ, sau đây gọi là "các Bên ký kết";

Nhằm mục đích cải thiện mức sống của thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và phái đoàn thường trực thông qua việc cho phép thân nhân của họ được tiếp cận thị trường lao động;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Cho phép làm việc có thu nhập

Thân nhân sống chung cùng một hộ với thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Bên ký kết này được chính thức bổ nhiệm tại Bên ký kết kia hoặc với thành viên phái đoàn thường trực của Bên ký kết này tại tổ chức quốc tế có trụ sở đóng trên lãnh thổ Bên ký kết kia (sau đây gọi chung là "Cơ quan đại diện"), được phép làm việc có thu nhập tại Nước tiếp nhận trên cơ sở có đi có lại và phù hợp với Hiệp định này. Pháp luật quốc gia của Nước tiếp nhận liên quan đến các điều kiện làm các công việc cụ thể có thu nhập vẫn được áp dụng.

Điều 2. Định nghĩa

Vì mục đích của Hiệp định này:

a) "Thành viên cơ quan đại diện ngoại giao", "thành viên cơ quan lãnh sự" và "thành viên phái đoàn thường trực tại tổ chức quốc tế" được hiểu theo định nghĩa của Công ước Viên ngày 18 tháng 4 năm 1961 về quan hệ ngoại giao, Công ước Viên ngày 24 tháng 4 năm 1963 về quan hệ lãnh sự hoặc bất kỳ điều ước quốc tế nào khác được áp dụng;

b) "Thân nhân" có nghĩa là:

i) vợ hoặc chồng;

ii) con độc thân dưới 25 tuổi của thành viên cơ quan đại diện, nếu vào thời điểm nhập cảnh Nước tiếp nhận với tư cách chính thức là người đi theo, người này dưới 21 tuổi; hoặc

iii) bất kỳ thành viên gia đình nào khác là người đi theo thành viên cơ quan đại diện mà Nước tiếp nhận, phù hợp với nội luật của mình, có thẻ cho phép người này được làm việc có thu nhập.

Điều 3. Thủ tục

1. Tại Việt Nam, khi thân nhân muốn làm việc có thu nhập, Cơ quan đại diện của Thụy Sỹ phải có đề nghị bằng văn bản xin phép Bộ Ngoại giao Việt Nam qua đường ngoại giao. Trong văn bản đề nghị phải có các thông tin chứng minh người được đề nghị là thân nhân và giải thích ngắn gọn về loại công việc người đó dự định thực hiện.

Bộ Ngoại giao Việt Nam, sau khi kiểm tra người được đề nghị đúng là thân nhân theo định nghĩa của Hiệp định này và căn cứ các quy định nội luật có liên quan, sẽ thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đại diện của Thụy Sỹ, trong thời hạn ba mười (30) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, về việc thân nhân đó có được phép làm việc có thu nhập hay không. Trên cơ sở hợp đồng lao động, đề nghị tuyển dụng hoặc tờ khai về ý định bắt đầu thực hiện một công việc riêng và chi tiết liên quan đến công việc này, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ cấp giấy phép lao động và giấy phép cư trú mới cho thân nhân này nếu thấy cần thiết và trên cơ sở các quy định nội luật có liên quan đang có hiệu lực.

Tương tự, Cơ quan đại diện của Thụy Sỹ phải thông báo cho Bộ Ngoại giao Việt Nam biết về việc thân nhân đã chấm dứt thực hiện một công việc có thu nhập cũng như phải có văn bản đề nghị mới trong trường hợp người này quyết định chấp nhận làm một công việc mới.

2. Tại Thụy Sỹ, theo đơn đề nghị của thân nhân, Bộ Ngoại giao Liên bang, trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, sẽ cấp văn bản xác nhận rằng người này không thuộc diện bị hạn chế về số lượng áp dụng đối với lao động nước ngoài. Trên cơ sở hợp đồng lao động, đề nghị tuyển dụng hoặc tờ khai về ý định bắt đầu thực hiện một công việc riêng và chi tiết liên quan đến công việc này, thân nhân phải được cơ quan có thẩm quyền của bang cấp giấy phép loại Ci cho phép họ bắt đầu làm việc có thu nhập. Giấy phép loại Ci có giá trị tối đa là hai (02) năm và có thể được gia hạn nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại thời điểm gia hạn.

Điều 4. Chấm dứt việc cho phép làm việc

Việc cho phép làm việc có thu nhập chấm dứt khi:

a) Đương sự không còn quy chế thân nhân theo định nghĩa của Hiệp định này;

b) Đương sự chấm dứt thực hiện công việc có thu nhập;

c) Thành viên cơ quan đại diện mà đương sự là thân nhân chấm dứt nhiệm kỳ công tác; hoặc

d) Đương sự không còn cư trú tại Nước tiếp nhận với tư cách là thân nhân đi theo và sống chung cùng một hộ với thành viên cơ quan đại diện;

Điều 5. Quyền ưu đãi và miễn trừ

1. Khi thân nhân được phép làm việc có thu nhập thuộc diện được hưởng quyền miễn trừ xét xử về dân sự hoặc hành chính của Nước tiếp nhận theo Công ước Viên ngày 18 tháng 4 năm 1961 về quan hệ ngoại giao hay các điều ước quốc tế khác có thể được áp dụng, quyền miễn trừ này sẽ không được áp dụng đối với các hành vi liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc có thu nhập.

2. Nước cử phải xem xét nghiêm túc bất kỳ yêu cầu nào của Nước tiếp nhận về việc từ bỏ quyền miễn trừ xét xử về hình sự đối với thân nhân đi theo bị truy tố vì thực hiện hành vi phạm tội hình sự trong khi thực hiện công việc có thu nhập. Trong trường hợp Nước cử khước từ việc từ bỏ quyền miễn trừ và Nước tiếp nhận coi đây là vấn đề nghiêm trọng, Nước tiếp nhận có thể yêu cầu rút thân nhân đó về nước.

Điều 6. Chế độ thuế và bảo hiểm xã hội

1. Trong phạm vi điều chỉnh của các điều ước quốc tế, đặc biệt là Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng Liên bang Thụy Sỹ ký ngày 06 tháng 5 năm 1996 về tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế liên quan đến thu nhập và tài sản, thân nhân đi theo được phép làm việc có thu nhập phải nộp thuế tại Nước tiếp nhận đối với khoản thu nhập có được từ công việc có thu nhập phù hợp với các quy định pháp luật về thuế của Nước tiếp nhận.

2. Thân nhân đi theo làm việc có thu nhập theo Hiệp định này chịu sự điều chỉnh của pháp luật về bảo hiểm xã hội của Nước tiếp nhận.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến việc thực hiện hoặc giải thích Hiệp định này sẽ được giải quyết qua đường ngoại giao.

Điều 8. Thời hạn và việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được công hàm ngoại giao sau cùng giữa các Bên ký kết thông báo về việc đã hoàn tất các thủ tục nội luật cần thiết để Hiệp định này có hiệu lực.

2. Hiệp định này có giá trị vô thời hạn.

3. Mỗi Bên ký kết có thể hủy bỏ Hiệp định này vào bất cứ thời điểm nào bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia qua đường ngoại giao về quyết định hủy bỏ này. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (6) tháng kể từ ngày nhận được thông báo này.

Làm tại Bern, ngày 18 tháng 5 năm 2010 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT HỘI ĐỒNG LIÊN BANG THỤY SỸ**
Nguyễn Quốc Cường	**Jean-Hubert Lebet**
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao	**Đại sứ Thụy Sỹ tại Việt Nam**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng